

Bản án số: 68/2024/DSST
Ngày: 05-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC – TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hương Huyền.

2. Ông Lê Văn Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TB-TLVA ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-DS ngày 19/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang,

- Bị đơn:

1. Ông Thái Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt không lý do).

2. Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1970 (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ông Trần Văn K trình bày: Ông tham gia 06 dây hụi do ông Thái Văn H và bà Trần Thị Kim T làm chủ dây hụi như sau

- Dây hụi 01: 5.000.000 đồng, 03 tháng khui 01 lần (theo vụ lúa), khởi khui tháng 01/2019 (âm lịch), hụi gồm 17 phần, ông tham gia 02 phần và đóng hụi

đầy đủ đến kỳ thứ 14 đến kỳ thứ 15 thì ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** ngừng khai hội. Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** còn nợ ông 14 kỳ của 02 phần số tiền 140.000.000đồng.

- Dây hội 02: 5.000.000đồng, 03 tháng khai 01 lần (theo vụ lúa), khởi khai tháng 01/2021 (âm lịch), hội gồm 17 phần, ông tham gia 01 phần và đóng hội đầy đủ đến kỳ thứ 08 đến kỳ thứ 09 thì Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** ngừng khai hội. Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** còn nợ ông 0 kỳ số tiền 40.000.000đồng.

- Dây hội 03: 7.000.000đồng, 03 tháng khai 01 lần (theo vụ lúa), khởi khai tháng 09/2021 (âm lịch), hội gồm 17 phần, ông tham gia 01 phần và đóng hội đầy đủ đến kỳ thứ 08 đến kỳ thứ 09 thì ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** ngừng khai hội. ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** còn nợ ông 08 kỳ số tiền 56.000.000đồng.

- Dây hội 04: 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 01 lần, khởi khai ngày 05/01/2022 (âm lịch), hội gồm 21 phần, ông tham gia 02 phần và đóng hội đầy đủ đến kỳ thứ 19 của 01 phần, 01 phần còn lại ông đã hết hội ở kỳ thứ 19 thì ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** ngừng khai hội. Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** còn nợ ông số tiền là 19 kỳ x 1.000.000đồng = 19.000.000đồng – (01 phần hội chết là 02 kỳ x 1.000.000đồng = 2.000.000đồng). Ông **H** và bà **T** còn nợ ông số tiền 17.000.000đồng

- Dây hội 05: 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 01 lần, khởi khai ngày 20/3/2022 (âm lịch), hội gồm 21 phần, ông tham gia 02 phần và đóng hội đầy đủ đến kỳ thứ 17 đến kỳ thứ 18 thì Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** ngừng khai hội. Ông **Thái Văn H** và Bà **Trần Thị Kim T** còn nợ ông 1 kỳ x 1.000.000đồng x 02 phần = 34.000.000đồng.

Trong danh sách hội ghi tên **D** là vợ ông nên ông **H**, bà **T** ghi như vậy

- Dây hội 06: 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 01 lần, khởi khai ngày 05/9/2022 (âm lịch), hội gồm 21 phần, ông tham gia 02 phần và đóng hội đầy đủ đến kỳ thứ 11 đến kỳ thứ 12 thì Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** ngừng khai hội. Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** còn nợ ông 11 kỳ x 1.000.000đồng x 02 phần = 22.000.000đồng.

Trong danh sách hội ghi tên **D** là vợ ông nên ông **H** và bà **T** ghi như vậy

Tổng cộng các dây hội trên ông **H** và bà **T** nợ bà tổng cộng số tiền là 140.000.000đồng + 40.000.000đồng + 56.000.000đồng + 17.000.000đồng + 34.000.000đồng + 22.000.000đồng = 309.000.000đồng.

Thời gian ông **H** và bà **T** làm chủ hội số tiền nợ hội nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân số nợ là nợ chung của vợ chồng

Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị K1** liên đới trả ông số tiền hội là 309.000.000 đồng, yêu cầu trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đối với bị đơn ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Ngô Thị Thanh P**, Tòa án căn cứ trình bày của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định: quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Hợp đồng góp hội”

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Trần Văn K** trình bày: ông **Trần Văn K** tham gia 03 dây hội do ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** làm chủ 06 dây hội ;

- Dây hội 01: 5.000.000 đồng, 03 tháng khai 01 lần (theo vụ lúa), khởi khai tháng 01/2019 (âm lịch), hội gồm 17 phần, ông **K** tham gia 02 phần và đóng hội đầy đủ đến kỳ thứ 14 đến kỳ thứ 15 thì ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** ngừng khai hội. Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** còn nợ ông 14 kỳ của 02 phần số tiền 140.000.000 đồng.

- Dây hội 02: 5.000.000 đồng, 03 tháng khai 01 lần (theo vụ lúa), khởi khai tháng 01/2021 (âm lịch), hội gồm 17 phần, ông **K** tham gia 01 phần và đóng hội đầy đủ đến kỳ thứ 08 đến kỳ thứ 09 thì Ông **Thái Văn H** và Bà **Trần Thị Kim T** ngừng khai hội. Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** còn nợ ông **K** 08 kỳ số tiền 40.000.000 đồng.

- Dây hội 03: 7.000.000 đồng, 03 tháng khai 01 lần (theo vụ lúa), khởi khai tháng 09/2021 (âm lịch), hội gồm 17 phần, ông **K** tham gia 01 phần và

đóng hụi đầy đủ đến kỳ thứ 08 đến kỳ thứ 09 thì ông Thái Văn H và bà Trần Thị Kim T ngừng khai hụi. ông Thái Văn H và bà Trần Thị Kim T còn nợ ông K 08 kỳ số tiền 56.000.000đồng.

- Dây hụi 04:1.000.000đồng, mỗi tháng khai 01 lần, khởi khai ngày 05/01/2022 (âm lịch), hụi gồm 21 phần, ông K tham gia 02 phần và đóng hụi đầy đủ đến kỳ thứ 19 của 01 phần, 01 phần còn lại ông đã hốt hụi ở kỳ thứ 19 thì ông Thái Văn H và bà Trần Thị Kim T ngừng khai hụi. Ông Thái Văn H và bà Trần Thị Kim T còn nợ ông K. Kiện số tiền là 19 kỳ x 1.000.000đồng=19.000.000đồng – (01 phần hụi chết là 02 kỳ x 1.000.000đồng = 2.000.000đồng). Ông H và bà T còn nợ ông K số tiền 17.000.000đồng

- Dây hụi 05: 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 01 lần, khởi khai ngày 20/3/2022 (âm lịch), hụi gồm 21 phần, ông K tham gia 02 phần và đóng hụi đầy đủ đến kỳ thứ 17 đến kỳ thứ 18 thì Ông Thái Văn H và bà Trần Thị Kim T ngừng khai hụi. Ông Thái Văn H và Bà Trần Thị Kim T còn nợ ông K 2 kỳ x 1.000.000đồng x 02 phần = 34.000.000đồng.

Trong danh sách hụi ghi tên D là vợ ông K nên ông H, bà T ghi như vậy

- Dây hụi 06: 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 01 lần, khởi khai ngày 05/9/2022 (âm lịch), hụi gồm 21 phần, ông K tham gia 02 phần và đóng hụi đầy đủ đến kỳ thứ 11 đến kỳ thứ 12 thì Ông Thái Văn H và bà Trần Thị Kim T ngừng khai hụi. Ông Thái Văn H và bà Trần Thị Kim T còn nợ ông K 11 kỳ x 1.000.000đồng x 02 phần = 22.000.000đồng.

Trong danh sách hụi ghi tên D là vợ ông K nên ông H và bà T ghi như vậy

Tổng cộng các dây hụi trên ông H và bà T nợ bà tổng cộng số tiền là 140.000.000đồng+40.000.000đồng+56.000.000đồng+17.000.000đồng+34.000.000đồng+22.000.000đồng=309.000.000đồng.

Thời gian ông H và bà T làm chủ hụi số tiền nợ hụi nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân số nợ là nợ chung của vợ chồng

Nay, ông Trần Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Văn H và bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ liên đới trả ông Trần Văn K số tiền nợ hụi là 309.000.000đồng, yêu cầu trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. ông Thái Văn H, bà Trần Thị Kim T vắng mặt không lý do và không nộp văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tòa án xét thấy, trình bày và yêu cầu khởi của nguyên đơn ông Trần Văn K là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tham gia chơi hụi có lập danh sách hụi. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Tòa án công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày nêu trên là sự thật. Như vậy, Tòa án có đủ cơ sở xác định ông **Thái Văn H**, bà **Trần Thị Kim T** còn nợ ông **Trần Văn K** số tiền nợ hụi là 309.000.000đồng, Tòa án cần buộc ông **Thái Văn H**, bà **Trần Thị Kim T** có nghĩa vụ liên đới trả ông **Trần Văn K** số tiền nợ hụi 309.000.000đồng, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** có nghĩa vụ liên đới phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn bà **Ngô Thị Thanh P** được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Văn K**.

1/ Buộc ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** có nghĩa vụ liên đới trả ông **Trần Văn K** số tiền nợ hụi 309.000.000đồng, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày ông **Trần Văn K** có yêu cầu thi hành án, nếu ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án

2/ Về án phí:

Ông **Thái Văn H** và bà **Trần Thị Kim T** có nghĩa vụ liên đới phải chịu số tiền 15.450.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn ông **Trần Văn K** số tiền 7.725.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003303, ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước tỉnh Tiền Giang.

3/ Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước - TG;
- THADS huyện Tân Phước- TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Trường